

QUYẾT ĐỊNH

Công bố danh mục thủ tục hành chính được ban hành mới và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực quản lý giá thuộc phạm vi chức năng quản lý của ngành Tài chính tỉnh Đồng Nai

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính; Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1917/QĐ-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành và bị bãi bỏ lĩnh vực quản lý giá thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 7599/TTr-STC ngày 11 tháng 11 năm 2024,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục thủ tục hành chính được ban hành mới và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực quản lý giá

thuộc phạm vi chức năng quản lý của ngành Tài chính tỉnh Đồng Nai (Danh mục thủ tục hành chính kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Sở quản lý ngành, lĩnh vực có trách nhiệm tổ chức niêm yết, công khai danh mục thủ tục hành chính này tại trụ sở làm việc, trên Trang thông tin điện tử của đơn vị, triển khai tiếp nhận và xử lý thủ tục hành chính theo quy định.

Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm phối hợp các Sở quản lý ngành, lĩnh vực cập nhật nội dung thủ tục hành chính đã được công bố lên Cơ sở dữ liệu Quốc gia về thủ tục hành chính của Chính phủ.

Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp các Sở quản lý ngành, lĩnh vực thực hiện thực hiện cập nhật nội dung các thủ tục hành chính đã được công bố theo Quyết định này và tích hợp, kết nối dịch vụ công trực tuyến đủ điều kiện lên Cổng dịch vụ công Quốc gia, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh theo quy định.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở Tài chính, Sở Giao thông vận tải, Sở Công Thương, Sở Y tế, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, Sở Tư pháp, Sở Thông tin và Truyền thông và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục KSTTHC (VPCP);
- Bộ Tài chính;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Báo Đồng Nai; Đài PT- TH Đồng Nai;
- Trung tâm kinh doanh VNPT (TĐ 1022);
- Lưu: VT, KTN, HCTC, Công TTĐT tỉnh, HCC.



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Sơn Hùng



DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC BAN HÀNH MỚI VÀ BỊ BỎ TRONG LĨNH VỰC QUẢN LÝ GIÁ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG NGÀNH TÀI CHÍNH TỈNH ĐỒNG NAI

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH
Ban Lãnh đạo kèm theo Quyết định số: 3493/QĐ-UBND ngày 19 tháng 11 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai)

| Sst | Mã số TTHC | Tên TTHC | Thời hạn giải quyết TTHC | Địa điểm thực hiện | Cơ quan thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý của TTHC | Ghi chú |
|-----|------------|--|--|--|---|--|---|--|
| 1 | | DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC BAN HÀNH MỚI | | | | | | |
| 1 | | Lĩnh vực Quản lý giá | | | | | | |
| 01 | 1.012735 | Hiệp thương giá | -Thời hạn rà soát văn bản đề nghị hiệp thương giá: tối đa 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị hiệp thương giá (tính theo đầu công văn đến hoặc qua dịch vụ công trực tuyến); - Thời hạn để các bên bổ sung thông tin nếu văn bản đề nghị hiệp thương giá không đúng quy định: tối đa 15 ngày làm việc (tính theo đầu công văn đến hoặc qua dịch vụ công trực tuyến); - Thời hạn tổ chức hiệp thương giá: tối đa 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị hiệp | Nộp hồ sơ: - Công dịch vụ công trực tuyến của Sở quản lý lĩnh vực ngành, lĩnh vực | Sở quản lý ngành, lĩnh vực đối với hàng hóa, dịch vụ ¹ | Sở quản lý ngành, lĩnh vực xác định mức giá để hai bên thực hiện | - Luật Giá 16/2023/QH15 - Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá | Nội dung thực hiện TTHC theo Quyết định số 1917/QĐ-BTC ngày 12/8/2024 của Bộ Tài chính |

¹ Sở quản lý ngành, lĩnh vực gồm: Sở Giao thông vận tải; Sở Y tế; Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Tư pháp; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Công Thương; Sở Thông tin Truyền thông.

| | | | | | | | | |
|----|----------|---|--|---|--|-------|--|---|
| | | | thương giá đủ điều kiện theo quy định (tính theo dấu công văn đến hoặc qua dịch vụ công trực tuyến). | | | | | |
| 02 | 1.012744 | Điều chỉnh giá hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân | <p>- Thời hạn thẩm định phương án giá: Tối đa là 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ bảo đảm điều kiện để thẩm định phương án giá. Trường hợp phức tạp, thời gian tối đa để thẩm định được tính bổ sung tối đa 30 ngày.</p> <p>- Thời hạn trả lời nếu kiến nghị điều chỉnh giá không hợp lý: trong tối đa 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ.</p> <p>- Thời hạn trình và ban hành văn bản định giá:</p> <p>+ Trường hợp hàng hóa, dịch vụ do một cấp định giá: Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành văn bản định giá trong tối đa 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ do cơ quan thẩm định phương án giá trình.</p> <p>+ Trường hợp hàng hóa, dịch vụ do hai cấp định giá: Cơ quan có thẩm quyền định</p> | <p>Nộp hồ sơ:</p> <p>- Công dịch vụ công trực tuyến của Sở Lý ngành, trình</p> <p>- Qua dịch vụ bưu chính đến Sở quản lý ngành, trình</p> | <p>- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp tỉnh</p> <p>- Cơ quan thẩm định phương án giá: Sở quản lý ngành, lĩnh vực được UBND tỉnh phân công²</p> | Không | <p>- Luật Giá 16/2023/QH15</p> <p>- Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá</p> | <p>Nội dung thực hiện TTHC theo Quyết định số 1917/QĐ-BTC ngày 12/8/2024 của Bộ Tài chính</p> |

| | | | | | | | |
|---|----------|---|--|--------------|-------|--|---|
| | | <p>khung giá hoặc giá tối đa hoặc giá tối thiểu ban hành văn bản định khung giá hoặc giá tối đa hoặc giá tối thiểu trong tối đa 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ của cơ quan có thẩm quyền định giá cụ thể gửi. Sau khi có khung giá hoặc giá tối đa hoặc giá tối thiểu, cơ quan thẩm định phương án giá rà soát, trình cơ quan có thẩm quyền định giá cụ thể ban hành văn bản định giá cụ thể trong tối đa 30 ngày kể từ ngày cơ quan được hồ sơ do cơ quan thẩm định phương án giá trình.</p> | | | | | |
| II DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÀI BỎ | | | | | | | |
| I | 1.006241 | Quyết định giá thuộc thẩm quyền cấp tỉnh | | Số Tài chính | Không | <p>UBND tỉnh đã phân công cho các Sở quản lý ngành, lĩnh vực có trách nhiệm thẩm định phương án giá theo quy định đối với Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh tại Công văn số 8916/UBND-KTNS ngày 31/7/2024</p> | <p>Nội dung thực hiện TTHC theo Quyết định số 1917/QĐ-BTC ngày 12/8/2024 của Bộ Tài chính</p> |

| | | | | | | | | |
|---|----------|---|--|--|--------------|-------|---|---|
| 2 | 2.002217 | Đăng ký giá của các doanh nghiệp thuộc phạm vi cấp tỉnh | | | Sở Tài chính | Không | Luật Giá số 16/2023/QH15, Nghị định số 85/2024/NĐ-CP của Chính phủ đã không còn quy định nội dung đăng ký giá đối với các doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh | Nội dung thực hiện TTHC theo Quyết định số 1917/QĐ-BTC ngày 12/8/2024 của Bộ Tài chính |
|---|----------|---|--|--|--------------|-------|---|---|